

Bản án số: 73/2020/HS- PT
Ngày: 27- 02- 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Đặng Hồng N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2019/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Đặng Hồng N**, sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Long T, xã Long T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn G và bà Huỳnh Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. **Dương Minh P**, sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L, xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn Đ, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. **Phan Văn P1** , sinh năm 1983 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L, xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn N và bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1963; có vợ và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 08- 6- 2018 Phan Văn P1 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28/QĐ-XPVPHC xử phạt số tiền 7.500.000 đồng về hành vi “Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép hình thức đá gà”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

4. **Võ Chí L1**, sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L, xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Thanh V (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

5. **Nguyễn Đức T2**, sinh năm 1981 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L, xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1951; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23- 7- 2019, Nguyễn Đức T2, bị Công an huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 0000053/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức khác mà được, thua bằng tiền”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

6. **Nguyễn Thị Diễm C1**, sinh năm 1975 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L, xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành T4, sinh năm 1942 và bà Trần Thị T5, sinh năm 1947; có chồng và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23- 7- 2019, bị cáo bị Công an huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 0000055/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức khác mà được thua bằng tiền”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

7. **Bùi Hữu E** , sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L, xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn N5, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23- 7- 2019, Bùi Hữu E bị Công an huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp ra

Quyết định số 0000052/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức khác mà được thua bằng tiền”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

8. **Lữ Cẩm M**, sinh năm 1980 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Khóm X, phường An T, thị xã Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Khóm An T A, phường An L2, thị xã Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Cẩm X, sinh năm 1947 và bà Lữ Thị P1, sinh năm 1932; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

9. **Mao Văn T6**, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L, xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mao Văn M1, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1947; có vợ, con chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 14- 5- 2018, Mao Văn T6, bị Công an xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 40/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức khác mà được thua bằng tiền”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

10. **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Khóm A T A, phường An L, thị xã Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán, làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N6, sinh năm 1954 và bà Hứa Thị Q, sinh năm 1954; có chồng và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 14- 5- 2018, Nguyễn Thị H bị Công an xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 41/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức khác mà được thua bằng tiền”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

11. **Mao Thị Thanh H**, sinh năm 1976 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mao Văn M2, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1947; có chồng và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20- 3- 2018, Mao Thị Thanh H, bị Công an xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức khác mà được thua bằng tiền dưới hình thức bài tây”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

12. **Mao Thị Bích T7**, sinh năm 1998 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Khóm An T A, phường An L, thị xã Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mao Văn T, sinh năm 1979 và bà Lương Thị Kim T9, sinh năm 1979; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31- 10- 2019, Mao Thị Bích T7 bị Công an xã Long T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 0000879/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức lắc tài xỉu mà được thua bằng tiền”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1 :

Luật sư Lê Phi Tùng- Văn phòng Luật sư Chí Tâm thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 22- 02- 2019, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Công an xã Phú T1 B tiến hành bắt quả tang 12 đối tượng tại điểm đánh bạc ăn thua bằng tiền trái phép, với hình thức lắc tài xỉu tại bãi đất trống thuộc ấp Phú L, xã Phú T1 B, gồm: Lữ Cẩm M, Mao Văn T6, Mao Thị Thanh H, Mao Thị Bích T7, Nguyễn Thị H, Huỳnh Tấn P2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thành C1, Nguyễn Thị Bích P3, Võ Chí L1, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Diễm C1.

Ngoài ra, tham gia đánh bạc còn có Bùi Hữu E, Bùi Ngọc S1, Bùi Văn N6, Trần Văn T6, Trần Văn S2, Võ Văn T10, Ngụy T11, Đặng Văn V1, Võ Hoàng K khi lực lượng Công an đến đã bỏ chạy.

Điểm đánh bạc nói trên do Đặng Hồng N cùng với Võ Chí L1, Phan Văn P, Dương M P tổ chức cho đánh bạc từ khoảng 20 giờ đến 24 giờ hàng ngày, mỗi ngày chơi từ 02 ca đến 03 ca, mỗi ca N lấy xâu từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng, tổ chức chơi được khoảng 20 ngày thì bị bắt, số tiền N thu lợi bất chính khoảng 25.000.000 đồng và trả tiền thuê canh đường hàng ngày cho Phan Văn P 200.000 đồng, Võ Chí L1 và Dương M P mỗi người 100.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Trên C1ếu bạc: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 hộp nhựa màu đen, 03 hột xí ngầu, 01 bao thức ăn màu trắng, 6.000.000 đồng.

- Kiểm tra thu giữ: Trên người của Nguyễn Thành C1êm 32.000.000 đồng; Lữ Cẩm M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và số tiền 15.150.000 đồng; Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 200.000 đồng; Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Samsung; Mao Thị Bích T7 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 190.000 đồng; Nguyễn Thị Diễm C1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; Mao Thị Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo và 500.000 đồng; Mao Văn T6 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, 01 xe mô tô biển số 66G1- 420.XX và 12.900.000 đồng; Huỳnh Tấn P2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 300.000 đồng; Võ Chí L1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 90.000 đồng; Nguyễn Đức T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 12.100.000 đồng; Võ Hoàng K 01 xe mô tô biển số 66L5- XXX; Trần Văn T6 01 xe mô tô biển số 66G1- 337.XX và 01 xe mô tô biển số 66G1- 486.XX. Qua điều tra, xác định các bị cáo không sử dụng tiền, tài sản vào mục đích đánh bạc, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho các bị cáo. Riêng đối với số tiền thu giữ 300.000 đồng của bị cáo P2, 200.000 đồng của bị cáo H1, 190.000 đồng của bị cáo T7, 90.000 đồng của bị cáo L1, 800.000 đồng của bị cáo C1êm là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc của các bị cáo Dương M P: 500.000 đồng, Võ Chí L1: 2.000.000 đồng, Phan Văn P: 3.000.000 đồng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Đặng Hồng N 25.000.000 đồng chưa giao nộp.

Tại Bản án số 26/2019/HS-ST ngày 06- 11- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, Điều 17, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Hồng N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đặng Hồng N 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương M P phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Dương M P 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 322, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Chí L1 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” và 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lư Cẩm M phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lữ Cẩm M 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Mao Văn T6 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Mao Văn T6 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T2 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tấn P2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn P2 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu E phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu E 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

11. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

12. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Mao Thị Thanh H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Mao Thị Thanh H 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

13. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Mao Thị Bích T7 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Mao Thị Bích T7 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

14. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T10 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T10 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 11 năm 2019.

15. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N6 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N6 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

16. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm s, x khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án (06- 11- 2019).

17. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T6 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T6 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án (06- 11- 2019).

18. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc S1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc S1 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án (06- 11- 2019).

19. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn V1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn V1 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án (06- 11- 2019).

20. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành C1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C1 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án (06- 11- 2019).

21. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn S2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án (06- 11- 2019).

22. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Hoàng K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng K 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án (06- 11- 2019).

23. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguy T11 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguy T11 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án (06- 11- 2019).

24. Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã Thường Phước X, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp; bị cáo Trần Văn S2 cho Ủy ban nhân dân xã Long H2, huyện Phú T12, tỉnh An Giang; các bị cáo Trần Văn T6, Bùi Ngọc S1, Đặng Văn V1, Nguyễn Thành C1 Võ Hoàng K và Nguy T11 cho Ủy ban nhân dân xã Phú T1 B, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về T7 hành án hình sự.

25. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm

nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2019, bị cáo Đặng Hồng N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2019, bị cáo Dương M P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2019, các bị cáo Nguyễn Đức T2, Bùi Hữu E, Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh H và Mao Thị Bích T7 có đơn kháng cáo xin được phạt tiền hoặc được hưởng án treo.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2019, bị cáo Lữ Cẩm M có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 18 tháng 11 năm 2019, bị cáo Phan Văn P có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo.

- Ngày 19 tháng 11 năm 2019, bị cáo Võ Chí L1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo.

- Ngày 19 tháng 11 năm 2019, bị cáo Mao Văn T6 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa P thẩm, các bị cáo Đặng Hồng N, Dương M P và Phan Văn P thừa nhận thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc; bị cáo Võ Chí L1 thừa nhận thực hiện hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc; các bị cáo Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Diễm C1, Bùi Hữu E, Lữ Cẩm M, Mao Văn T6, Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh H và Mao Thị Bích T7 thừa nhận thực hiện hành vi đánh bạc. Các bị cáo thừa nhận hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc là vi phạm pháp luật, thừa nhận Bản án số 26/2019/HS-ST ngày 06- 11- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp kết án các bị cáo là đúng, không oan sai. Tại phiên tòa P thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với các lý do: Bị cáo Đặng Hồng N nêu lý do cha mẹ bị cáo đã chết, ông ngoại bị cáo là liệt sĩ và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất. Bị cáo Dương M P nêu lý do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính. Bị cáo Phan Văn P nêu lý do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước, bị cáo chỉ có ghé vào sòng bạc và được anh E nhờ trông dùm Công an có bắt không. Bị cáo Võ Chí L1 nêu lý do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, mẹ bị bệnh. Bị cáo Nguyễn Đức T2 nêu lý do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già trên 70 tuổi, bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật

của Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1 nêu lý do đang nuôi cha mẹ già bệnh nặng. Bị cáo Bùi Hữu E nêu lý do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo Lữ Cẩm M nêu lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già bệnh nặng, E bị cáo mất sức lao động và nuôi hai con còn nhỏ đang trong độ tuổi đi học. Bị cáo Mao Văn T6 nêu lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già bệnh nặng. Các bị cáo Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh H và Mao Thị Bích T7 nêu lý do là chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, các bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tại phiên tòa P thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo Đặng Hồng N, Dương M P và Phan Văn P bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo nhưng không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt với các bị cáo.

Hành vi của bị cáo Võ Chí L1 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, nhưng không có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo Dương M P, Phan Văn P, Võ Chí L1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà các bị cáo đã phạm là chưa đúng quy định pháp luật. Vì các bị cáo này chỉ có một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và các bị cáo này cũng không phải là đồng phạm thứ yếu, mà là đồng phạm tích cực với Đặng Hồng N, do đó việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đúng. Tuy nhiên xét thấy chênh lệch về mức hình phạt giữa các bị cáo là không nhiều, nên cần ổn định Bản án, đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Dương M P, Phan Văn P và Võ Chí L1.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Diễm C1, Bùi Hữu E, Lữ Cẩm M, Mao Văn T6, Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh H và Mao Thị Bích T7 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét, áp dụng, đúng quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi

phạm tội mà các bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, xin được phạt tiền, xin được hưởng án treo nhưng không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa P thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1 đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo vì hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mẹ của bị cáo thì vừa mới qua đời, cha của bị cáo bị bệnh nặng cần có người chăm sóc, nhà của bị cáo nghèo; bị cáo tham gia đánh bạc tại vì chỗ đánh bạc gần nhà chứ bản thân bị cáo không mang tính chất chuyên nghiệp và số tiền của bị cáo bỏ ra chơi đánh bạc là không lớn.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 06- 11- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp kết án các bị cáo Đặng Hồng N, Dương M P và Phan Văn P về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; kết án bị cáo Võ Chí L1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và kết án các bị cáo Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Diễm C1, Bùi Hữu E, Lữ Cẩm M, Mao Văn T6, Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh H và Mao Thị Bích T7 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo Dương M P, Phan Văn P, Võ Chí L1 mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà các bị cáo này đã vi phạm là chưa phù hợp. Bởi vì, Tòa án cấp sơ thẩm không nêu áp dụng khoản nào của Điều 54 Bộ luật hình sự; các bị cáo này cũng chỉ có một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo được quy định ở điểm s khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và các bị cáo là đồng phạm cùng với bị cáo Đặng Hồng N về tội “Tổ chức đánh bạc”, giữ vai trò thực hành, giúp sức tích cực chứ không phải là thứ yếu, không đáng kể. Do đó, đối C1ếu với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự thì việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng, mức án của các bị cáo Dương M P, Phan Văn P, Võ Chí L1 đã là nhẹ so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo này gây ra, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo này, vì vậy Tòa án cấp P thẩm không thể sửa bản án sơ thẩm, tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo, lẽ ra phải áp dụng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự hủy Bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo hướng không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, tăng

nặng hình phạt đối với các bị cáo Dương M P, Phan Văn P, Võ Chí L1, nhưng xét thấy mức độ chênh lệch hình phạt giữa các bị cáo không lớn và để cân đối với hình phạt của bị cáo Đặng Hồng N, ổn định Bản án, nên Tòa án cấp P thẩm giữ y án sơ thẩm về hình phạt đối với Dương M P, Phan Văn P, Võ Chí L1. Tuy nhiên tH sót này Tòa án cấp sơ thẩm phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của các bị cáo Dương M P, Phan Văn P, Võ Chí L1 với các lý do nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn là không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, do đó giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo của các bị cáo Đặng Hồng N, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Diễm C1, Lữ Cẩm M, Mao Văn T6, Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh H, Mao Thị Bích T7, Bùi Hữu E, xét thấy khi xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tại phiên tòa P thẩm các bị cáo nêu ra các lý do để xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận nên giữ y án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Xét thấy các bị cáo thuộc thành phần lao động, hàng ngày phải vất vả mưu sinh, kiếm thu nhập để nuôi sống bản thân và gia đình nhưng lại thực hiện hành vi đánh bạc, sát phạt nhau ăn thua bằng tiền, việc tổ chức đánh bạc, đánh bạc diễn ra trong thời gian dài, số lượng người tham gia rất nhiều gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật nên hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm Minh.

[6] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận nhưng không có cơ sở để chấp nhận phát biểu của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1.

[7] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Hồng N, Dương M, Phan Văn P, Võ Chí L1, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Diễm C1, Bùi Hữu E, Lữ Cẩm M, Mao Văn T6, Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh Hương và Mao Thị Bích T7.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo Đặng Hồng N, Dương M P), Phan Văn P, Võ Chí L1, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Diễm C1, Bùi Hữu E, Lữ Cẩm M, Mao Văn T6, Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh Hương và Mao Thị Bích T7.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Hồng N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đặng Hồng N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương M P phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Dương M P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.3 Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm a khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Chí L1 phạm các tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Võ Chí L1 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” và 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lữ Cẩm M phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lữ Cẩm M 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Mao Văn T6 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Mao Văn T6 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T2 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diễm C1 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án

1.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu E phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu E 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.11. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Mao Thị Thanh H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Mao Thị Thanh H 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.12. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Mao Thị Bích T7 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Mao Thị Bích T7 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Hồng N, Dương M P Phan Văn P , Võ Chí L1, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Diễm C1 , Bùi Hữu E , Lữ Cẩm M, Mao Văn T6, Nguyễn Thị H, Mao Thị Thanh H và Mao Thị Bích T7 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự P thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện Hồng N1;
- CQCSĐT Công an huyện Hồng N1;
- Trại Tạm giam CA Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh